

STANDARD SCHEDULE OF CHARGES FOR TRADE FINANCE AND GUARANTEE

This Standard Schedule of Charges is effective from 06/08/2024

No.	SERVICE	FEE
I LETTER OF CREDIT (L/C)		
1 Issuance		
1.1	Issuance of L/C	0.25% per quarter, Min VND 525,000 / US\$ 25
1.2	Amendment of L/C	
1.2.1	Increase of L/C amount	0.25% per quarter, Min VND 525,000 / US\$ 25
1.2.2	Extension of L/C validity	0.25% per quarter, Min VND 525,000 / US\$ 25
1.2.3	Other amendment, L/C cancellation	VND 525,000 / US\$ 25
1.3	Fee charged by reimbursing bank (Mizuho HN/HCMC is L/C issuing bank)	Actual fee incurred (exclusive of interest paid to issuing bank as agreed)
2 Confirmation		
2.1	L/C confirmation as requested by issuing bank	Min 0.125% per month (depend on bank, country, period)
3 Payment Negotiation		
3.1	Handling fee	0.25% Min VND 525,000 / US\$ 25 (exclusive of interest as agreed)
4 Reimbursement		
4.1	L/C reimbursement fee	Negotiation basis (exclusive of interest as agreed)
II OTHER SERVICES RELATED TO LETTER OF CREDIT (L/C)		
1 Import / Domestic Purchase		
1.1	Acceptance of usance L/C	0.2% per month, Min VND 525,000 / US\$ 25
1.2	L/C settlement	0.2% Min VND 525,000 / US\$ 25
1.3	Documents handling	VND 1,050,000 / US\$ 50 (imposed on beneficiary)
1.4	Settlement fee outside Vietnam	VND 105,000 / US\$ 5 (imposed on beneficiary)
1.5	Discrepancy fee	VND 1,050,000 / US\$ 50 (imposed on beneficiary)
1.6	Bill of Lading endorsement/Issuance of authorization letter for cargo receipt	VND 105,000 / US\$ 5
1.7	Issuance of Shipping Guarantee	0.25% per quarter, Min VND 630,000 / US\$ 30
1.8	Issuance of Shipping Guarantee in non-standard format	VND 105,000 / US\$ 5 (exclusive of shipping guarantee issuance fee)
1.9	Issuance of duplicate Shipping Guarantee	VND 210,000/each / US\$ 10/each
1.10	Fee charged by confirming bank (Mizuho HN/HCMC is L/C issuing bank)	Actual fee incurred
2 Export / Domestic Sale		
2.1	Advising of L/C, advising of L/C amendment	VND 525,000 / US\$ 25 (Pre-advising fee: VND 420,000 / US\$20)
2.2	Transfer of L/C	0.15% Min VND 1,050,000 / US\$ 50
2.3	Representation of Documents	VND 210,000/each / US\$ 10/each
2.4	Negotiation without recourse of the Documents	
2.4.1	Handling fee	0.25% Min VND 525,000 / US\$ 25
2.4.2	Fee for Negotiation without recourse of the Documents	Negotiation basis
III COLLECTION		
1 Import / Inward Collection		
1.1	Documents against Payment / Acceptance	0.3% Min VND 420,000 / US\$ 20 Max VND 4,200,000 / US\$ 200
1.2	Dishonored collection	VND 315,000 / US\$ 15
1.3	Bill of Lading endorsement/Issuance of authorization letter for cargo receipt	VND 105,000 / US\$ 5



MIZUHO BANK, LTD.
Hanoi Branch
63 Ly Thai To, Trang Tien Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam
Tel: (84) 24 – 3936 3123/4 Fax: (84) 24 – 3826 6665

Ho Chi Minh City Branch
Floor 18, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Boulevard,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84) 28 – 3827 8260 Fax: (84) 28 – 3821 9160

No.	SERVICE	FEE
2	Export / Outward Collection	
2.1	Documents against Payment / Acceptance	0.3% Min VND 420,000 / US\$ 20 Max VND 4,200,000 / US\$ 200
IV	GUARANTEE / STANDBY L/C	
1	Issuance	0.25% per quarter, Min VND 630,000 / US\$ 30
2	Amendment	
2.1	Increase of amount	0.25% per quarter, Min VND 630,000 / US\$ 30
2.2	Extension of validity	0.25% per quarter, Min VND 630,000 / US\$ 30
2.3	Other Amendment, Cancellation	VND 630,000 / US\$ 30
3	Advising (inclusive of advising Amendment)	VND 525,000 / US\$ 25
4	Issuance of a duplicate	VND 210,000/each / US\$ 10/each
5	Issuance of Guarantee, Standby L/C in non-standard format	VND 105,000 / US\$ 5 (exclusive of issuance/amendment fee)
6	Issuance of certified copy	VND 105,000/each / US\$ 5/each
7	Handling fee for multi-languages requirements	VND 420,000 / US\$ 20
V	CABLE, COURIER CHARGES	
1	L/C issuance	VND 1,050,000 / US\$ 50
2	L/C amendment	VND 525,000 / US\$ 25
3	L/C settlement	VND 420,000 / US\$ 20
4	Advising of acceptance	VND 420,000 / US\$ 20
5	Advising of discrepancies	VND 420,000 / US\$ 20 (imposed on beneficiary)
6	Discrepancy negotiation	VND 420,000 / US\$ 20
7	SWIFT / TELEX	VND 420,000/each message / US\$ 20/each message
8	Guarantee/Standby L/C issuance/amendment by cable	VND 1,050,000 / US\$ 50
9	Documents sent overseas by courier	VND 1,260,000 / US\$ 60
10	Documents sent domestic by courier	VND 105,000 / US\$ 5
VI	OTHER CHARGES	
1	Investigation/Tracer	VND 525,000/each / US\$ 25/each
2	Correspondent bank fee	Actual fee incurred
3	Signature verification	VND 105,000 / US\$ 5
VII	FEE ON NON-ACCOUNT HOLDER	
1	Advising of L/C, Guarantee, Standby L/C	VND 630,000 / US\$ 30
2	Other Trade Finance, Guarantee and Standby L/C transactions	150% of standard fee, Min VND 105,000 / US\$ 5

Note:

1. Above-mentioned fees are exclusive of Value Added Tax (VAT). VAT will be applied in line with each transaction and in accordance with prevailing law and regulation.
2. Services not listed herein will be provided as informed by Bank from time to time.
3. Other fees such as corresponding bank fee, etc. will be additionally collected if incurred.
4. Fee will be collected in currency as denominated in this Standard Schedule of Charges. Fee collection in other currency and applicable exchange rate will be decided by Bank in accordance with agreement with Customer and/or prevailing law and regulation.
5. This Standard Schedule of Charges is subject to change without prior notice from Bank.

BIỂU PHÍ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI VÀ BẢO LÃNH NGÂN HÀNG

Biểu Phí này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 08 năm 2024.

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
I THƯ TÍN DỤNG (L/C)		
1	Phát Hành	
1.1	Phát hành L/C	0,25%/quý, tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
1.2	Phát hành sửa đổi L/C	
1.2.1	Tăng giá trị L/C	0,25%/quý, tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
1.2.2	Gia hạn thời hạn hiệu lực của L/C	0,25%/quý, tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
1.2.3	Sửa đổi khác, Hủy LC	VND 525.000 / US\$ 25
1.3	Phí của ngân hàng hoàn trả (Mizuho HN/HCMC là ngân hàng phát hành L/C)	Chi phí thực tế phát sinh (chưa bao gồm lãi phải trả cho ngân hàng phát hành theo thỏa thuận)
2	Xác Nhận	
2.1	Xác nhận L/C theo đề nghị của ngân hàng phát hành	Tối thiểu 0,125%/ tháng (tùy thuộc vào ngân hàng, quốc gia, thời hạn)
3	Thương Lượng Thanh Toán	
3.1	Phí xử lý	0,25% tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25 (chưa bao gồm lãi theo thỏa thuận)
4	Hoàn Trả	
4.1	Phí hoàn trả L/C	Theo thỏa thuận (chưa bao gồm lãi theo thỏa thuận)
II DỊCH VỤ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN THƯ TÍN DỤNG (L/C)		
1	Nhập Khẩu / Mua Hàng Trong Nước	
1.1	Chấp nhận thanh toán L/C trả chậm	0,2%/tháng, tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
1.2	Thanh toán L/C	0,2% tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
1.3	Xử lý chứng từ	VND 1.050.000 / US\$ 50 (bên thụ hưởng chịu phí)
1.4	Thanh toán ngoài Việt Nam	VND 105.000 / US\$ 5 (bên thụ hưởng chịu phí)
1.5	Phí bất hợp lệ	VND 1.050.000 / US\$ 50 (bên thụ hưởng chịu phí)
1.6	Ký hậu vận đơn/Phát hành thư ủy quyền nhận hàng	VND 105.000 / US\$ 5
1.7	Phát hành Bảo lãnh nhận hàng	0,25%/quý, tối thiểu VND 630.000 / US\$ 30
1.8	Phát hành Bảo lãnh nhận hàng không theo mẫu chuẩn của ngân hàng	VND 105.000 / US\$ 5 (ngoài phí phát hành bảo lãnh nhận hàng)
1.9	Phát hành thêm bản gốc Bảo lãnh nhận hàng	VND 210.000/bản / US\$ 10/bản
1.10	Phí của ngân hàng xác nhận (Mizuho HN/HCMC là ngân hàng phát hành L/C)	Chi phí thực tế phát sinh
2	Xuất Khẩu / Bán Hàng Trong Nước	
2.1	Thông báo L/C, thông báo sửa đổi L/C	VND 525.000 / US\$ 25 (phí thông báo sơ bộ: VND 420.000 / US\$20)
2.2	Chuyển nhượng L/C	0,15% tối thiểu VND 1.050.000 / US\$ 50
2.3	Xuất trình lại chứng từ	VND 210.000/lần / US\$ 10/lần
2.4	Mua hãn miễn truy đòi bộ chứng từ theo L/C	
2.4.1	Phí xử lý	0,25% tối thiểu VND 525.000 / US\$ 25
2.4.2	Phí mua hãn miễn truy đòi bộ chứng từ theo L/C	Theo thỏa thuận
III NHỜ THU		
1	Nhập Khẩu / Nhờ Thu Đến	
1.1	Nhờ thu trả ngay / trả chậm	0,3% tối thiểu VND 420.000 / US\$ 20 tối đa VND 4.200.000 / US\$ 200
1.2	Nhờ thu bộ chứng từ nhưng bị từ chối thanh toán	VND 315.000 / US\$ 15
1.3	Ký hậu vận đơn/Phát hành thư ủy quyền nhận hàng theo nhờ thu	VND 105.000 / US\$ 5

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
2	Xuất Khẩu / Nhờ Thu Đi	
2.1	Nhờ thu trả ngay / trả chậm	0,3% tối thiểu VND 420.000 / US\$ 20 tối đa VND 4.200.000 / US\$ 200
IV	BẢO LÃNH NGÂN HÀNG / THƯ TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
1	Phát hành	0,25%/quý, tối thiểu VND 630.000 / US\$ 30
2	Sửa đổi	
2.1	Tăng giá trị	0,25%/quý, tối thiểu VND 630.000 / US\$ 30
2.2	Kéo dài thời hạn	0,25%/quý, tối thiểu VND 630.000 / US\$ 30
2.3	Sửa đổi khác, Hủy	VND 630.000 / US\$ 30
3	Thông báo (bao gồm thông báo sửa đổi)	VND 525.000 / US\$ 25
4	Phát hành thêm bản gốc	VND 210.000/bản / US\$ 10/bản
5	Phát hành Bảo lãnh, L/C dự phòng không theo mẫu chuẩn của ngân hàng	VND 105.000 / US\$ 5 (ngoài phí phát hành/sửa đổi)
6	Cung cấp bản sao có chứng thực	VND 105.000/bản / US\$ 5/bản
7	Xử lý các yêu cầu đa ngôn ngữ	VND 420.000 / US\$ 20
V	ĐIỆN PHÍ, CƯỚC PHÍ	
1	Phát hành L/C	VND 1.050.000 / US\$ 50
2	Sửa đổi L/C	VND 525.000 / US\$ 25
3	Thanh toán L/C	VND 420.000 / US\$ 20
4	Thông báo chấp nhận thanh toán	VND 420.000 / US\$ 20
5	Thông báo bất hợp lệ	VND 420.000 / US\$ 20 (bên thụ hưởng chịu phí)
6	Thương lượng chứng từ bất hợp lệ	VND 420.000 / US\$ 20
7	Phí điện SWIFT / TELEX	VND 420.000/lần / US\$ 20/lần
8	Phát hành/sửa đổi Bảo lãnh, L/C dự phòng bằng điện	VND 1.050.000 / US\$ 50
9	Gửi chứng từ ra nước ngoài	VND 1.260.000 / US\$ 60
10	Gửi chứng từ trong nước	VND 105.000 / US\$ 5
VI	CÁC PHÍ KHÁC	
1	Tra soát	VND 525.000/lần / US\$ 25/lần
2	Phí ngân hàng đại lý	Chi phí thực tế phát sinh
3	Xác thực chữ ký	VND 105.000 / US\$ 5
VII	PHÍ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG KHÔNG MỞ TÀI KHOẢN TẠI MIZUHO	
1	Thông báo L/C, Bảo lãnh ngân hàng, L/C dự phòng	VND 630.000 / US\$ 30
2	Các giao dịch tài trợ thương mại và bảo lãnh ngân hàng, L/C dự phòng khác	150% phí tiêu chuẩn, tối thiểu VND 105.000 / US\$ 5

Lưu ý:

- Các loại phí nêu tại Biểu Phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT). Thuế GTGT sẽ được áp dụng theo tính chất của từng giao dịch và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
- Các dịch vụ không được nêu tại Biểu Phí này sẽ được cung cấp theo thông báo bởi Ngân Hàng tùy từng thời điểm.
- Các phí khác như phí ngân hàng trung gian, vv ... sẽ được thu thêm nếu có phát sinh.
- Phí sẽ được thu theo loại tiền tệ nêu tại Biểu Phí này. Việc thu phí bằng loại tiền tệ khác và tỷ giá áp dụng sẽ được Ngân Hàng quyết định theo thỏa thuận với Khách Hàng và/hoặc phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
- Biểu Phí này có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước từ Ngân Hàng.